**BÀI 34. SỬ DỤNG HỢP LÍ TỰ NHIÊN ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

**Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

**I. Khái quát**

**1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ**

- Diện tích hơn 40,9 nghìn km2

- Gồm 13 tỉnh, thành phố

- Trong đó, Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Cà Mau thuộc Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Đồng bằng sông Cửu Long

* Là vùng đồng bằng châu thổ có diện tích lớn nhất nước ta
* Nằm ở hạ lưu sông Mê Công.
* Vùng có vùng biển rộng lớn với nhiều đảo, quản đảo như Phú Quốc, Thổ Chu, Nam Du,....

- Đồng bằng sông Cửu Long tiếp giáp

→ Tạo thuận lợi cho việc mở rộng phát triển kinh tế đối ngoại, khai thác các tiềm năng, liên kết với các vùng để phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.

**2. Dân số**

- Năm 2021, Đồng bằng sông Cửu Long có khoảng 17,4 triệu người (chiếm 17,7% số dân cả nước)

- Mật độ dân số khá cao, khoảng 426 người/km2.

- Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên thấp, khoảng 0,55%.

- Tỉ lệ dân thành thị thấp, khoảng 26,4%.

- Tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên chiếm 53,7% số dân của vùng.

- Vùng có nhiều thành phần dân tộc như Kinh, Khơ-me, Hoa, Chăm,...

**II. Sử dụng hợp lí tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long**

**1. Thế mạnh và hạn chế để phát triển kinh tế**

**a) Thế mạnh**

**\* Địa hình và đất:**

**-** Địa hình: Thấp và bằng phẳng với độ cao trung bình từ 2 - 4 m so với mực nước biển

→ Thuận lợi trong phát triển nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Đất: có 3 nhóm đất chính

+ Đất phù sa sông chiếm khoảng 30% diện tích, phân bố thành dải dọc sông Tiền và sông Hậu, khá màu mỡ để phát triển nông nghiệp

+ Đất phèn chiếm khoảng 40% diện tích, phân bố ở Đồng Tháp Mười, Hà Tiên và vùng trũng Cà Mau, có khả năng khai thác nông nghiệp, lâm nghiệp

+ Đất mặn chiếm khoảng 19% diện tích, phân bố ven Biển Đông và vịnh Thái Lan, thuận lợi cho nuôi trồng thuỷ sản nước lợ và nước mặn.

+ Ngoài ra, vùng còn có đất xám và các loại đất khác chiếm diện tích nhỏ.

**\* Khí hậu**:

- Kiểu khí hậu cận xích đạo gió mùa, phân hóa thành mùa mưa và mùa khô rõ rệt.

- Tổng số giờ nắng trung bình năm từ 2200 - 2700 giờ; nhiệt độ trung bình năm từ 25 - 27°C;

- Lượng mưa lớn, tập trung vào mùa mưa (từ tháng 5 đến tháng 11).

→ Thuận lợi cho phát triển các cây trồng nhiệt đới, nuôi trồng thuỷ sản và giúp các hoạt động sản xuất diễn ra quanh năm.

**\* Nguồn nước:**

- Vùng có mạng lưới sông ngòi dày đặc như sông Tiền, sông Hậu, sông Cái Lớn, sông Cửa Lớn,...

- Hệ thống các kênh đào quan trọng như Vĩnh Tế, Tháp Mười, Phụng Hiệp, Chợ Gạo,...

→ tạo thuận lợi cho giao thông cũng như cải tạo môi trường.

- Vùng còn có nguồn nước ngầm phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của người dân.

**\* Sinh vật:**

- Thực vật chủ yếu là rừng ngập mặn ở Cà Mau, Bạc Liêu,...; rừng tràm ở An Giang, Đồng Tháp,...

→ Thuận lợi cho du lịch, có vai trò quan trọng về sinh thái, môi trường và sinh kế của người dân.

- Hệ động vật phong phú, đặc biệt là cá và chim.

**\* Khoáng sản:**

- Chủ yếu là đá vôi (Hà Tiên, Kiên Lương); than bùn (U Minh, Tứ giác Long Xuyên,...); đất sét, tạo thuận lợi cho phát triển công nghiệp khai khoáng.

**\* Biển, đảo:**

- Vùng biển rộng lớn với hàng trăm bãi cá, bãi tôm và hàng nghìn ha mặt nước

→ thuận lợi cho việc khai thác và nuôi trồng thủy sản.

- Vùng thềm lục địa có trữ lượng dầu mỏ, khí tự nhiên khá lớn

→ Tạo điều kiện phát triển ngành công nghiệp khai thác dầu thô, khí tự nhiên.

**b) Hạn chế**

- Địa hình: vùng có địa hình thấp, thường xuyên chịu ảnh hưởng của triều cường xâm nhập sâu vào nội địa, gây trở ngại cho sản xuất và sinh hoạt.

- Khí hậu của vùng có sự phân hóa theo mùa, mùa khô gây thiếu nước ngọt và hiện tượng xâm nhập mặn vào sâu trong đất liền.

- Biến đổi khí hậu cũng tác động đến sản xuất và sinh hoạt của người dân.

**2. Sử dụng hợp lí tự nhiên**

**a) Hướng sử dụng hợp lí tự nhiên**

- Đồng bằng sông Cửu Long cần xây dựng hệ thống thủy lợi, bảo vệ nguồn nước ngọt phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân.

- Tiến hành lai tạo các giống cây trồng, vật nuôi chịu phèn và chịu mặn để đảm bảo sự phát triển bền vững.

- Cải tạo và sử dụng theo hướng bền vững diện tích đất bị ô nhiễm, thoái hóa nhằm đảm bảo sự phát triển trong sản xuất nông nghiệp.

- Hoạt động khai thác lợi ích kinh tế từ rừng theo hướng bền vững cần được đẩy mạnh với các mô hình nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản kết hợp.

- Vùng duy trì cân bằng hệ sinh thái, khuyến khích người dân trồng và bảo vệ rừng.

- Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển cây trồng, vật nuôi và nuôi trồng thủy sản (có tính đến biến đổi khí hậu) gắn với công nghiệp chế biến.

Đối với vùng biển, vùng tập trung phát triển ***kinh tế liên hoàn***, kết hợp giữa biển với đảo, quần đảo và đất liền.

Đối với đời sống, người dân cần chủ động thích ứng với biến đối khí hậu, nước biển dâng.

**b) Lí do phải sử dụng hợp lí tự nhiên**

- Vùng có vị trí, vai trò chiến lược đặc biệt quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Vùng là nơi trọng điểm về sản xuất lương thực, thực phẩm và nuôi trồng thủy sản của cả nước.

- Sử dụng hợp lí tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long nhằm phát huy thế mạnh về tự nhiên với:

+ Diện tích đất phù sa sông tương đối lớn

+ Khí hậu cận xích đạo gió mùa, ít xảy ra bão

+ Hệ thống sông ngòi dày đặc

+ Diện tích nuôi trồng thủy sản lớn

+ Hệ sinh thái đặc trưng là rừng ngập mặn và rừng tràm.

- Ý nghĩa của việc sử dụng hợp lí tự nhiên:

+ Góp phần phát triển đa dạng các hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và du lịch, mang lại hiệu quả kinh tế cho vùng.

+ Góp phần bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học

+ Ứng phó biến đổi khí hậu, thiếu nước vào mùa khô

+ Góp phần phát triển bền vững cho vùng.

**III. Tình hình phát triển một số ngành kinh tế**

**1. Sản xuất lương thực và thực phẩm**

**a) Vai trò**

- Sản xuất lương thực và thực phẩm của Đồng bằng sông Cửu Long góp phần khai thác tốt điều kiện tự nhiên (địa hình, đất, khí hậu, nguồn nước, sinh vật,...) trong phát triển kinh tế.

- Là vùng trọng điểm trong sản xuất lương thực, thực phẩm, đáp ứng nhu cầu lương thực, thực phẩm cho vùng, cả nước và xuất khẩu

- Đảm bảo vấn đề an ninh lương thực cho đất nước.

- Thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển như công nghiệp chế biến, thương mại,...

- Góp phần giải quyết việc làm, tạo nguồn thu nhập, nâng cao mức sống cho người dân

- Góp phần xây dựng nông thôn mới.

**b) Tình hình phát triển**

- Sản xuất lương thực và thực phẩm có sự phát triển nhanh nhờ áp dụng các tiến bộ khoa học - kĩ thuật trong sản xuất.

**- Sản xuất lương thực:**

+ Chiếm khoảng 50% diện tích gieo trồng và 50% sản lượng lương thực có hạt của cả nước (năm 2021).

+ Lúa là cây lương thực chủ yếu, chiếm 53,9% diện tích và 55,5% sản lượng lúa cả nước.

+ Các tỉnh dẫn đầu về diện tích trồng lúa của vùng là Kiên Giang, Long An, An Giang, Đồng Tháp, Sóc Trăng,...

+ Các công nghệ về lai tạo giống, biến đổi gen, công nghệ tự động, quy trình sản xuất VietGAP,... đã được ứng dụng để tăng năng suất, chất lượng cây trồng đồng thời thích ứng biến đổi khí hậu.

- Cây ăn quả:

+ Là lợi thế phát triển của vùng với nhiều loại trái cây nhiệt đới nổi tiếng: oài (Đồng Tháp,...), quýt (Tiền Giang, Đồng Tháp,...), sầu riêng (Tiền Giang,...), thanh long (Long An, Tiền Giang,...),...

**- Chăn nuôi:**

+ Đồng bằng sông Cửu Long có thế mạnh trong phát triển chăn nuôi.

+ Năm 2021, vùng có:

Đàn gia cầm chiếm 16,7% cả nước (vịt chiếm số lượng lớn và được nuôi nhiều ở Tiền Giang, Vĩnh Long, Long An,...)

Đàn lợn chiếm khoảng 9% cả nước, được nuôi chủ yếu ở Bến Tre, Tiền Giang, Trà Vinh,...

Đàn bò chiếm khoảng 15% cả nước, được nuôi nhiều ở Bến Tre, Trà Vinh, Tiền Giang,...

+ Đồng bằng sông Cửu Long đang áp dụng các công nghệ mới trong chăn nuôi theo hướng công nghệ cao, chăn nuôi hữu cơ, áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn nhằm đảm bảo an toàn thực phẩ, bảo vệ môi trường, an toàn sinh học.

**- Khai thác và nuôi trồng thủy sản**

+ Khai thác thủy sản

Năm 2021, sản lượng thủy sản khai thác của vùng chiếm hơn 30% cả nước.

Các tỉnh đứng đầu về sản lượng thủy sản khai thác là Kiên Giang, Cà Mau, Bến Tre,...

Công nghệ đánh bắt và cơ sở hạ tầng nghề cá tại các ngư trường đang được đầu tư, nâng cao chất lượng và công suất hoạt động tàu thuyền, chú trọng đánh bắt xa bờ, truy xuất nguồn gốc thủy sản khai thác,...

+ Nuôi trồng thủy sản:

Năm 2021, vùng có diện tích nuôi trồng chiếm 70,9% của cả nước, sản lượng nuôi trồng chiếm 69,7% của cả nước

Vùng tập trung nuôi cá ở Đồng Tháp, An Giang, Cần Thơ,...

Vùng tập trung nuôi nuôi tôm (tôm thẻ, tôm sú) ở Cà Mau, Sóc Trăng, Bạc Liêu,...

Công nghệ nuôi trồng thủy sản của vùng ngày càng được nâng cao, nhất là nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tái tạo nước thải nuôi trồng; phát triển nuôi trồng thủy sản ven bờ kết hợp trồng và bảo vệ rừng ngập mặn;... nhằm đảm bảo yêu cầu thị trường trong, ngoài nước và bảo vệ môi trường.

**2. Du lịch**

**a) Tài nguyên du lịch**

**\* Tài nguyên du lịch tự nhiên**

- Vùng có nhiều hệ sinh thái đa dạng, độc đáo để phát triển du lịch:

+ Các vườn quốc gia như Mũi Cà Mau, U Minh Hạ (Cà Mau), Phú Quốc (Kiên Giang), Tràm Chim (Đồng Tháp)

+ Khu dự trữ sinh quyển thế giới Mũi Cà Mau (Cà Mau),…

+ Các vùng đất ngập nước, sân chim, khu bảo tồn thiên nhiên khác,...

- Vùng có mạng lưới sông ngòi, kênh, rạch dày đặc và có tính kết nối liên vùng, tạo ra ưu thế trong phát triển du lịch, nhất là du lịch sinh thái.

- Có vùng biển rộng lớn với nhiều đảo, quần đảo có giá trị cho phát triển du lịch như Phú Quốc, Nam Du, Thổ Chu,...

**\* Tài nguyên du lịch văn hóa**

- Có nhiều di tích lịch sử - văn hóa là tài nguyên du lịch quan trọng của vùng: Núi Sam (An Giang), Nhà tù Phú Quốc (Kiên Giang), Khu lưu niệm Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ và nhạc sĩ Cao Văn Lầu (Bạc Liêu),...

- Vùng có nhiều làng nghề truyền thống: sản xuất kẹo dừa (Bến Tre), làm mắm Châu Đốc (An Giang), nước mắm Phú Quốc (Kiên Giang),... trở thành những địa điểm thu hút khách du lịch.

- Một số chợ nổi trên sông như Cái Răng (Cần Thơ), Cái Bè (Tiền Giang),.... được nhiều du khách biết đến, là những tài nguyên du lịch rất đặc trưng của vùng.

- Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện nhân loại vào năm 2013, đang được khai thác, phục vụ phát triển du lịch tại vùng.

- Vùng còn nhiều tài nguyên du lịch văn hóa khác như các lễ hội, ẩm thực, văn nghệ dân gian,...

**b) Tình hình phát triển**

- Số lượng khách du lịch đến Đồng bằng sông Cửu Long liên tục tăng trong những năm qua, đạt 46 triệu lượt khách (năm 2019).

- Năm 2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh nên số lượt khách và doanh thu du lịch giảm

- Năm 2022 du lịch của vùng đang được phục hồi, thu hút hơn 37,5 triệu lượt khách.

- Các điểm du lịch quan trọng của vùng là Thới Sơn (Tiền Giang, Bến Tre), Phú Quốc (Kiên Giang), Mũi Cà Mau (Cà Mau), Tràm Chim - Láng Sen (Đồng Tháp, Long An), Bến Ninh Kiều, Chợ nổi Cái Răng (Cần Thơ), Ao Bà Om (Trà Vinh),...

- Các tuyến du lịch nội vùng kết nối trung tâm du lịch vùng, trung tâm du lịch của các địa phương với các khu du lịch, điểm du lịch trong vùng.

Các tuyến du lịch liên vùng kết nối đến các tỉnh thuộc Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ và các tỉnh phía Bắc.

Vùng phát triển tuyến du lịch quốc gia và quốc tế dựa trên việc mở rộng các tuyến du lịch liên vùng gắn với Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Cà Mau; tuyến hành lang ven biển phía Nam, hệ thống cửa khẩu quốc tế, tuyến đường biển qua các cảng biển (Cần Thơ, Kiên Giang) và tuyến đường thủy nội địa trên sông Tiền và sông Hậu.

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

**Câu 1.** Các tỉnh nào sau đây của vùng Đồng bằng sông Cửu Long nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?

A. Cần Thơ, Hậu Giang. B. Vĩnh Long, Trà Vinh.

C. An Giang, Kiên Giang. D. Long An, Tiền Giang.

**Câu 2.** Ý nào dưới đây **không** đúng về vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của Đồng bằng sông Cửu Long?

A. Gồm 13 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (năm 2021).

B. Là vùng đồng bằng châu thổ có diện tích lớn nhất nước ta.

C. Tiếp giáp với các nước láng giềng Lào và Cam-pu-chia.

D. Có vùng biển rộng lớn với nhiều đảo, quần đảo.

**Câu 3.** Vùng Đồng bằng sông Cửu Long bao gồm mấy tỉnh, thành phố?

A. 12. B. 13. C. 14. D. 15.

**Câu 4.** Những nhóm đất chính ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là

A. đất phù sa ngọt, đất phèn, đất mặn. B. đất phù sa ngọt, đất xám, đất mặn

C. đất phèn, đất mặn, đất ba-dan. D. đất mặn, đất bạc màu, đất phèn.

**Câu 5.** Tài nguyên quan trọng hàng đầu của Đồng bằng sông Cửu Long đối với phát triển sản xuất lương thực là

A. sông ngòi, kênh rạch chằng chịt. B. khí hậu có tính chất cận xích đạo.

C. đất phù sa với diện tích lớn. D. nhiều giống loài thực vật có giá trị.

**Câu 6.** Thảm thực vật chủ yếu ở Đồng bằng sông Cửu Long là

A. rừng ngập mặn và rừng tràm. B. rừng tràm và rừng thưa.

C. rừng ngập mặn và rừng thưa. D. rừng thường xanh và rừng ngập mặn.

**Câu 7.** Khó khăn lớn nhất vào mùa khô của Đồng bằng sông Cửu Long là

A. đất nhiễm mặn hoặc phèn, mực nước ngầm hạ thấp.

B. mực nước sông thấp, thủy triều ảnh hưởng mạnh.

C. thiếu nước ngọt trầm trọng, xâm nhập mặn lấn sâu.

D. nguy cơ cháy rừng cao, đất nhiễm mặn hoặc phèn.

**Câu 8.** Hạn chế lớn nhất về tự nhiên đối với phát triển kinh tế - xã hội của vùng Đồng bằng sông Cửu Long là

A. bão, lũ lụt, ngập úng thường xuyên xảy ra.

B. đất nghèo nguyên tố vi lượng, độ chua lớn.

C. thiếu nước ngọt vào mùa khô, hiện tượng xâm nhập mặn.

D. diện tích rừng bị giảm sút mạnh trong những năm gần đây.

**Câu 9.** Đặc điểm tự nhiên nào sau đây **không** phải của Đồng bằng sông Cửu Long?

A. Khí hậu mang tính cận xích đạo, có một mùa khô kéo dài.

B. Có diện tích đất phèn, đất mặn lớn nhất cả nước.

C. Ít chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

D. Khó khăn trong việc chủ động nguồn nước của hệ thống sông Mê Công.

**Câu 10.** Mật độ dân số của vùng Đồng bằng sông Cửu Long

A. cao nhất cả nước.

B. cao thứ hai sau Đồng bằng sông Hồng.

C. cao thứ ba sau Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ.

D. cao thứ hai sau Đông Nam Bộ.

**Câu 11.** Đồng bằng sông Cửu Long có tỉ lệ gia tăng dân số thấp do

A. số người nhập cư nhiều. B. tỉ lệ tử cao.

C. tỉ lệ sinh thấp. D. số người xuất cư nhiều.

**Câu 12.** Biện pháp nào sau đây **không đúng** với vấn đề sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

A. Khai thác tối đa nguồn nước ngầm. B. Sử dụng nước hợp lí, bảo vệ nguồn nước ngọt.

C. Tạo ra các giống lúa chịu phèn, mặn. D. Duy trì và bảo vệ tài nguyên rừng.

**Câu 13.** Ngành công nghiệp nào sau đây phát triển mạnh nhất ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay?

A. Sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm. B. Sản xuất vật liệu xây dựng.

C. Cơ khí nông nghiệp. D. Sản xuất hàng tiêu dùng.

**Câu 14.** Ngành nuôi trồng thủy sản ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long phát triển thuận lợi hơn vùng Đồng bằng sông Hồng chủ yếu do nhân tố nào sau đây?

A. Diện tích mặt nước nuôi trồng lớn. B. Có một mùa lũ trong năm.

C. Người dân có nhiều kinh nghiệm. D. Công nghiệp chế biến phát triển hơn.

**Câu 15.** Hướng sử dụng hợp lí tự nhiên vùng Đồng bằng sông Cửu Long là

A. quản lí và sử dụng hiệu quả tài nguyên, phát triển kinh tế phù hợp với từng địa bàn.

B. phát triển nông nghiệp đa canh để cho nhiều sản phẩm nông nghiệp.

C. tăng cường sản xuất công nghiệp để hạn chế sử dụng tài nguyên đất.

D. phát triển các ngành dịch vụ ít sử dụng tài nguyên.

**Câu 16.** Ý nào dưới đây **không đúng** về vai trò của sản xuất lương thực và thực phẩm ở Đồng bằng sông Cửu Long?

A. Góp phần khai thác tốt điều kiện tự nhiên trong phát triển kinh tế.

B. Thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển như công nghiệp chế biến, thương mại.

C. Cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

D. Góp phần giải quyết việc làm, tạo nguồn thu nhập, nâng cao mức sống người dân.

**Câu 17.** Hoạt động kinh tế nào sau đây **không** phải là thế mạnh của vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

A. Trồng cây công nghiệp lâu năm. B. Sản xuất lương thực.

C. Nuôi trồng thủy sản. D. Trồng cây ăn quả.

**Câu 18.** Thế mạnh cho việc phát triển ngành thủy sản nào sau đây **không** đúngvới vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

A. Mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc. B. Đường bờ biển dài, có ngư trường lớn.

C. Có diện tích rừng ngập mặn ven biển lớn. D. Khí hậu phân hóa rõ giữa mùa khô và mùa mưa.

**Câu 19.** Định hướng nào sau đây **không** đúngvới việc sử dụng hợp lí tự nhiên của vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

A. Đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế gắn với khai thác hiệu quả các thế mạnh.

B. Cải tạo tự nhiên và thích ứng với biến đổi khí hậu.

C. Chú trọng phát triển mạnh ngành du lịch, công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển năng lượng tái tạo.

D. Đẩy mạnh liên kết, hợp tác với các vùng và nước bạn để khai thác tài nguyên trong vùng.

**Câu 20.** Nhận định nào sau đây **không** phải là khó khăn về điều kiện tự nhiên của vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

A. Tài nguyên sinh vật đang bị suy giảm.

B. Chịu ảnh hưởng lớn của bão.

C. Thiếu tài nguyên khoáng sản để phát triển công nghiệp.

D. Diện tích đất cho sản xuất nông nghiệp bị nhiễm phèn, nhiễm mặn lớn.

Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu chọn đúng hoặc sai

**Câu 21.** Dựa vào bảng số liệu sau:

Sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, giai đoạn 2010 - 2021

Đơn vị: triệu tấn

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2010 | 2015 | 2020 | 2021 |
| Nuôi trồng | 1,98 | 2,47 | 3,32 | 3,41 |
| Khai thác | 1,01 | 1,23 | 1,51 | 1,51 |

A. Giai đoạn 2010 – 2021, sản lượng thủy sản nuôi trồng ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long tăng.

A. Đúng. B. Sai.

B. Giai đoạn 2010 – 2021, sản lượng thủy sản khai thác luôn thấp hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng.

A. Đúng. B. Sai.

C. Giai đoạn 2010 – 2021, sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng chậm hơn sản lượng thủy sản khai thác.

A. Đúng. B. Sai.

D. Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu sản lượng thủy sản ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, giai đoạn 2010 – 2021.

A. Đúng. B. Sai.

**Câu 22.** *Sản xuất lương thực là ngành giữ vai trò quan trọng nhất trong sản xuất nông nghiệp của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Trong những năm qua, sản xuất lương thực của vùng đã có nhiều chuyển biến tích cực, năng suất và sản lượng không ngừng tăng.*

A. Năng suất lúa của vùng cao nhất cả nước nhờ việc ứng dụng khoa học – công nghệ trong sản xuất.

A. Đúng. B. Sai.

B. Lúa là cây lương thực chủ đạo, chiếm hơn 98% về diện tích gieo trồng và sản lượng lương thực có hạt của vùng.

A. Đúng. B. Sai.

C. Lúa được trồng ở hầu khắp các tỉnh trong vùng, trong đó các tỉnh dẫn đầu về diện tích trồng lúa là Kiên Giang, Long An, An Giang, Đồng Tháp.

A. Đúng. B. Sai.

D. Vùng là vựa lúa lớn nhất nước ta, diện tích gieo trồng và sản lượng lúa luôn chiếm hơn 65% so với cả nước.

A. Đúng. B. Sai.

**Câu 23.** Biết năm 2021, dân số vùng Đồng bằng sông Cửu Long khoảng 17,4 triệu người, tỷ lệ dân số thành thị chiếm 26,4% tổng số dân của vùng. Tính số dân thành thị của vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm 2021 (đơn vị tính: nghìn người, làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

**Câu 24.** Tính đến năm 2022, dân số trung bình ở vùng Đông Nam Bộ đạt 18810,8 nghìn người, trong đó dân số nông thôn đạt 6312,6 nghìn người. Tỉ lệ dân số thành thị ở Đông Nam Bộ so với toàn vùng là bao nhiêu? (làm tròn kết quả đến hàng chục của %)

**Câu 25.** Tính năng suất gieo trồng lúa cả năm ở Đồng bằng sông Cửu Long năm 2022, biết diện tích lúa cả năm ở vùng này là 3802,6 nghìn ha và sản lượng lúa là 23536,3 nghìn tấn. (làm tròn kết quả đến hàng chục của tạ/ha)

**Câu 26.** Biết năm 2021, sản lượng lúa gạo của vùng Đồng bằng sông Cửu Long là 24,3 triệu tấn, diện tích gieo trồng lúa gạo là 3,9 triệu ha. Tính năng suất lúa gạo của vùng Đồng bằng sông Cửu Long (đơn vị tính: tạ/ha, làm tròn đến quả đến hàng đơn vị).